

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/5/2019

V/v: *Ly hôn giữa*

Chị A và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Lanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2. Bà Hoàng Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 10/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lại Thị A, sinh năm 19xx – Hộ khẩu thường trú: Số xx, phường NT, quận V, thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A: Bà Trần Thị B - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH LH và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Th, sinh năm 19xx – Hộ khẩu thường trú: Số xx, phường NT, quận V, thành phố Hà Nội (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu của nguyên đơn là chị Lại Thị A:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị A và anh Vũ Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NT, quận V, thành phố Hà Nội ngày 12/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

tại địa chỉ số xx, phường NT, là nhà đất của bố mẹ anh Th. Khoảng năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng lớn về quan điểm dẫn đến tình cảm rạn nứt, và cho đến nay thì không thể cứu vãn được. Chị A đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Chị A và anh Th có hai con chung là cháu Vũ Văn Ph, sinh ngày xx/xx/20xx; và cháu Vũ Văn Kh, sinh ngày xx/xx/201x. Ly hôn, chị A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc đóng góp nuôi con thì tùy theo khả năng tài chính và ý chí tự nguyện của anh Th, không đóng cũng không sao. Hiện tại chị A tự mở tiệm cắt tóc, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Chị A không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị A và anh Th không có tài sản chung, chị A không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: Chị A và anh Th không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, chị A không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra, chị A không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Chị A giao nộp tại Toà các tài liệu, chứng cứ gồm bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của vợ, chồng; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy khai sinh của các con chung; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh Th.

2. Yêu cầu của bị đơn là anh Vũ Văn Th:

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, và các văn bản tố tụng có liên quan cho anh Th, triệu tập anh Th đến trụ sở Toà án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Toà án nhận được Bản tự khai đề ngày 22/4/2019 của anh Th (gửi qua đường bưu điện, có chứng thực chữ ký bởi Văn phòng Công chứng Th Tht, thành phố Hà Nội) nội dung thể hiện ý kiến của anh Th về yêu cầu khởi kiện của chị A như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị A kết hôn tự nguyện, tự do tìm hiểu, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2010 tại Ủy ban nhân dân phường NT, quận V, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh Th tại địa chỉ số xx, phường NT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận. Khoảng vài năm trở lại đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, tình cảm bị rạn nứt. Đã có thời điểm chị A đề nghị ly hôn nhưng anh Th không đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng vẫn có thể được giải quyết, chưa đến mức trầm trọng. Sau một thời gian dài, mặc dù đã được gia đình, họ hàng hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng mối quan hệ giữa hai vợ chồng vẫn không cải thiện được, phần nhiều là do lỗi của anh Th. Nay chị A đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, anh Th đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: Anh Th và chị A có hai con chung là cháu Vũ Văn Ph, sinh ngày xx/xx/20xx; và cháu Vũ Văn Kh, sinh ngày xx/xx/201x. Từ nhỏ cho đến lớn, hai con chung đều do chị A trực tiếp chăm sóc, công việc hiện tại của anh Th thường xuyên phải đi xa nên không thể chăm lo chu đáo cho các con được. Việc các con ở với mẹ sẽ là phương án tốt nhất cho sự phát triển

toàn diện của các cháu, và dù sao các cháu ở với nhau, có anh có em hỗ trợ nhau học tập, sinh hoạt. Vì thế, khi ly hôn, anh Th đồng ý với chị A, giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th và chị A tự thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Th và chị A không có tài sản chung, anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: Anh Th và chị A không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung.

Do tính chất công việc nên anh Th không có điều kiện để tham gia các buổi làm việc trực tiếp tại Toà án. Anh Th xin phép được vắng mặt tại tất cả các buổi lấy lời khai, hoà giải và xét xử vụ án. Anh Th không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, mọi văn bản liên quan đến vụ án, anh Th đề nghị Toà gửi cho anh Th đến địa chỉ xx, phường NT. Trường hợp anh Th không trực tiếp nhận thì bố mẹ anh Th sẽ nhận thay và có trách nhiệm thông báo lại cho anh Th. Việc bố mẹ anh Th nhận các văn bản tố tụng của Toà án đồng nghĩa với việc anh Th cũng nhận được.

3. *Quá trình giải quyết vụ án*, ngày 25/4/2019, Toà án đã làm việc với Tổ trưởng Tổ dân phố xx, phường NT (nơi vợ chồng chị A, anh Th cư trú), và ông Vũ Văn B, bà Hà Hồ V (là bố mẹ anh Th, sống cùng với vợ chồng chị A, anh Th), được cung cấp thông tin như sau: Ông B, bà V cho biết vợ chồng chị A, anh Th mâu thuẫn dai dẳng kéo dài 4 đến 5 năm nay, vợ chồng đã thống nhất việc ly hôn và nuôi con chung, đề nghị Toà án xem xét, giải quyết để ổn định cuộc sống cho mỗi người. Tổ trưởng Tổ dân phố cho biết, sau khi biết việc chị A gửi đơn khởi kiện ly hôn đến Toà, Tổ dân phố có trao đổi với chị A, anh Th thì được anh chị thông tin là vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm, hai người đã thống nhất ly hôn và nuôi con chung, đề nghị Toà án xem xét yêu cầu của chị A, anh Th. Con chung của chị A, anh Th là cháu Vũ Văn Ph có ý kiến trình bày xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa: Chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th, và giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A.

Anh Th có đơn trình bày giữ nguyên ý kiến trong Bản tự khai đề ngày 22/4/2019 đã gửi Toà, và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, chị A, anh Th

kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2015 do bất đồng quan điểm sống, đã cố gắng hàn gắn, và được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị A được ly hôn anh Th. Về con chung, có căn cứ giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu. Về án phí, chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là chị Lại Thị A khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Vũ Văn Th, và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị A và anh Th cư trú tại địa chỉ số xx, phường NT, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th có yêu cầu được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án, và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[3] Xét yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết của các đương sự:

Về yêu cầu ly hôn: Chị A và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2010 tại Ủy ban nhân dân phường NT, quận V, thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Chị A và anh Th thống nhất trình bày cuộc sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không hàn gắn được, phần nhiều là do lỗi của anh Th. Bố mẹ đẻ anh Th sống cùng vợ chồng cũng có ý kiến trình bày thống nhất với chị A, anh Th về thời gian và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài 4 đến 5 năm nay. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân vợ chồng đã mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A xin ly hôn, anh Th đồng ý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị A, anh Th thống nhất trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Văn Ph, sinh ngày xx/xx/20xx; và cháu Vũ Văn Kh, sinh ngày xx/xx/201x. Ly hôn, chị A, anh Th cùng có yêu cầu giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, do điều kiện công việc của anh Th không có thời gian chăm lo chu đáo cho các con được. Cháu Ph có ý kiến xin được ở

với mẹ. Xét yêu cầu của chị A, anh Th là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị A, anh Th giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị A, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét.

Về tài sản chung: Chị A và anh Th thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: Chị A và anh Th thống nhất trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[4] Về án phí: Chị A là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị A; quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chị Lại Thị A được ly hôn anh Vũ Văn Th.

2. Về con chung: Chị A và anh Th có hai con chung là cháu Vũ Văn Ph, sinh ngày xx/xx/20xx; và cháu Vũ Văn Kh, sinh ngày xx/xx/201x. Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị A, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị A và anh Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung vợ chồng: Chị A và anh Th xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Chị A phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002270 ngày 04/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường NT, quận V (số 75, quyền 26, ngày 12/5/2010);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Lanh